

XÂY DỰNG KHUNG NĂNG LỰC GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CỦA GIÁO VIÊN TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ

Nguyễn Thị Phương Nhung, Phạm Xuân Sơn

Trường Đại học Vinh

Ngày nhận bài 03/8/2021, ngày nhận đăng 24/9/2021

Tóm tắt: Hiệu quả công tác giáo dục giới tính (GDGT) cho học sinh (HS) tiểu học và trung học cơ sở (THCS) được quyết định chủ yếu bởi trình độ năng lực của giáo viên (GV). Bài viết công bố những nghiên cứu bước đầu về khung năng lực - tiêu chí đánh giá năng lực của GV tiểu học và THCS về GDGT, đồng thời là cơ sở giúp GV và cán bộ quản lý (CBQL) nhận thức được những yêu cầu cụ thể về hoạt động GDGT cho HS. Dựa trên phương pháp Delphi - một phương pháp lấy ý kiến chuyên gia được ứng dụng phổ biến trong lĩnh vực giáo dục, chúng tôi đã đề xuất về bộ khung và các tiêu chí đánh giá năng lực GDGT. Các kết quả được công bố trong bài báo, dựa trên căn cứ sự đồng thuận của các chuyên gia, vì thế, cần tiếp tục được thực nghiệm trong thực tiễn để kiểm nghiệm tính khả thi của chúng.

Từ khóa: Giáo dục giới tính; năng lực giáo dục giới tính; khung năng lực; giáo viên tiểu học và trung học cơ sở.

1. Đặt vấn đề

Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển (ICPD) tại Cairo năm 1994 nhấn mạnh: “GDGT là một quyền của con người, rất cần thiết để con người phát triển và khỏe mạnh” (Liên hợp quốc, 1994; UNFPA, 2010). Vì vậy, quyền lợi của trẻ em về GDGT phải được nhìn nhận như quyền sống, quyền có nguồn thực phẩm sạch và quyền được giáo dục (Phụ nữ, UNICEF, et al., 2018). GDGT đáp ứng quyền tiếp cận thông tin về quy luật phát triển tâm sinh lý lứa tuổi, các vấn đề liên quan đến giữ gìn bảo vệ sức sinh sản và giúp các em phòng tránh bị xâm hại tình dục (bao gồm bị lạm dụng tình dục và bị bóc lột tình dục). Trẻ em có quyền được bảo vệ khỏi mọi hình thức bóc lột tình dục trong đó có lạm dụng tình dục.

Nhiều quốc gia trên thế giới đã đưa GDGT và sức khỏe sinh sản vào trường học như một phần bắt buộc của chương trình giáo dục (ví dụ: Pháp, Luxembourg, Séc, Na Uy, Thụy Điển) (Bell, 2009; Gallard, 1991), đặc biệt là ở Hà Lan, nơi GDGT đã được cung cấp cho trẻ em ngay từ khi mới 4 tuổi (De Melker, 2015). Một cách tiếp cận mới được khuyến nghị để trẻ em có cuộc sống lành mạnh và an toàn là được GDGT toàn diện khi còn học tiểu học, *giáo dục trao quyền thay cho cảm đoán, răn đe, trì hoãn*. Nghĩa là, thay vì trốn tránh, hạn chế nói những vấn đề về tình dục và sức khỏe sinh sản, giáo dục cần giúp HS nhận thức đầy đủ về bản thân và những thay đổi về tâm, sinh lý qua các giai đoạn phát triển cũng như trang bị những kỹ năng cần thiết dựa trên quyền tự quyết của họ (UNFPA, 2010). GDGT cần tập trung vào việc phát triển khả năng của HS để đáp ứng với thực tế hiện tại, GV và phụ huynh không còn đóng vai trò như những người gác cổng mà thay vào đó là hỗ trợ HS có hiểu biết, kỹ năng cần thiết để *chính họ có khả năng lựa chọn và thực hành cuộc sống an toàn và khỏe mạnh*.

Việt Nam đã có những thay đổi lớn trong giáo dục để đáp ứng yêu cầu mới của thực tiễn xã hội, đặc biệt là chương trình Giáo dục phổ thông 2018 tích hợp nội dung GDGT vào chương trình như một nội dung cốt lõi. Vì vậy, điều này đang đặt ra yêu cầu mới trong cấu trúc năng lực nghề nghiệp của GV. GV cần được bồi dưỡng và phát triển năng lực nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu mới trong giáo dục.

Với ý nghĩa đó, việc xây dựng được khung năng lực và các tiêu chí để đánh giá năng lực GDGT của GV Việt Nam có ý nghĩa vô cùng quan trọng, giúp cho mỗi GV và nhà quản lý giáo dục nhận thức được những yêu cầu cốt lõi và có những cách thức đào tạo và bồi dưỡng GV phù hợp để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các khái niệm cơ bản

Giáo dục giới tính là quá trình giáo dục tích hợp về các khía cạnh nhận thức, tâm lý, thể chất và xã hội của giới tính và tình dục. GDGT là quá trình giáo dục con người nhằm làm cho họ có nhận thức đầy đủ, có thái độ đúng đắn về giới tính và quan hệ giới tính, có nếp sống văn hóa giới tính, hướng hoạt động của họ vào việc rèn luyện để phát triển nhân cách toàn diện, phù hợp với giới tính, giúp cho họ biết tổ chức tốt nhất cuộc sống riêng cũng như xây dựng gia đình hạnh phúc, xã hội phát triển.

Năng lực GDGT là khả năng của GV huy động các nguồn lực thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả hoạt động GDGT cho HS. Trong đó, GV huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân và tiềm năng bên trong để thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu giáo dục đề ra, trong điều kiện hoàn cảnh nhất định.

Khung năng lực của GV về GDGT là bảng mô tả tổ hợp các chỉ số cụ thể về kiến thức, kỹ năng, thái độ và đặc điểm một cá nhân cần để hoàn thành tốt công việc. Bồi dưỡng năng lực GDGT của GV là hoạt động thúc đẩy, hỗ trợ định hướng cho GV hoàn thiện, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong GDGT cho HS tiểu học và THCS.

2.2. Sử dụng phương pháp Delphi để thu thập dữ liệu, xây dựng khung năng lực của giáo viên tiểu học và trung học cơ sở về giáo dục giới tính

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp Delphi (Gupta & Clarke, 1996; Linstone, Turoff, et al., 1975) để xin ý kiến các chuyên gia sự đồng thuận và nhất trí của họ về các thành phần và chỉ số của khung năng lực GV về GDGT. Phương pháp phổ biến này đã được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực khác nhau bao gồm cả giáo dục (Linstone, Turoff, et al., 1975).

Chúng tôi đã gửi thư mời 390 người là chuyên gia, GV, giảng viên, những người có kinh nghiệm về giáo dục tiểu học/ THCS... 264 người đã chấp nhận tham gia nghiên cứu.

Bảng 1: Thông tin chung về mẫu khảo sát

Tiêu chí	Thể loại	Số lượng	Tỷ lệ
Giới tính	Nam	73	27,7
	Nữ	191	72,3
Trình độ	Đại học	19	7,2

Tiêu chí	Thể loại	Số lượng	Tỷ lệ
	Sau đại học	206	78
	Khác	39	14,8
Kinh nghiệm	Ít hơn 5 năm	21	8
	Từ 5-10 năm	23	8,7
	Từ 10-15 năm	51	19,3
	Trên 15 năm	169	64
Nơi công tác	Trường TH/ THCS	247	93,6
	Đại học/ Viện nghiên cứu	10	3,8
	Chuyên viên phòng/Sở GD	7	2,6
Nơi sống	Thành phố	69	26,1
	Thị trấn	47	17,8
	Miền núi	148	56,1
Vị trí công việc	Chuyên gia	28	10,6
	GV	236	89,4
Tổng		264	100

Dựa vào nghiên cứu của Keeney (2011), chúng tôi đã tuân theo quy trình 8 bước của một nghiên cứu Delphi, có thể được mô tả ngắn gọn như sau:

- Bước 1: Kiểm tra chỉ định. Có 3 chỉ định được khuyến nghị nên đáp ứng trước khi áp dụng kỹ thuật Delphi (nhu cầu, nguồn lực khan hiếm và thời gian). Qua tìm hiểu lịch sử nghiên cứu vấn đề, ở Việt Nam chưa có nghiên cứu nào tập trung vào việc xây dựng chuẩn/ khung năng lực giới tính của GV tiểu học và trung học. Hơn nữa, các khung năng lực của GV về GDGT của nước ngoài quá trừu tượng hoặc quá rộng, hoặc không phù hợp với văn hóa và đặc thù nền giáo dục đang phát triển như Việt Nam. Nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện trong khoảng thời gian 2 năm, đây là một khoảng thời gian hợp lý khi sử dụng phương pháp Delphi.

- Bước 2: Lựa chọn chuyên gia. Theo khuyến cáo của Keeney (2011), chúng tôi đã lựa chọn 12 chuyên gia, đáp ứng đầy đủ các khuyến nghị của phương pháp Delphi: trình độ học vấn, vùng miền, đặc điểm văn hóa, giới tính... Tất cả các chuyên gia đều đại diện cho các khu vực (tức là miền Bắc, miền Trung và miền Nam của Việt Nam), các lĩnh vực (tức là các chuyên gia, CBQL, GV, chuyên viên các Phòng/ Sở GD-ĐT) với nhiều kinh nghiệm về vấn đề này.

- Bước 3: Lấy ý kiến chuyên gia vòng 1. Vòng đầu tiên của nghiên cứu của chúng tôi sử dụng một số câu hỏi mở như: “Theo bạn, GV tiểu học và THCS cần có những năng lực nào để đáp ứng yêu cầu GDGT cho HS?”. Chúng tôi giới hạn số lượng câu trả lời từ 5 đến 10 câu. Mục tiêu của vòng này là có được hệ ý tưởng, những từ khóa quan trọng cho việc xây dựng các thành tố chính của năng lực GDGT của GV. Ưu điểm của câu hỏi mở so với câu hỏi đóng có lựa chọn là chúng tôi không dẫn dắt hoặc áp đặt với các chuyên gia bằng chính suy nghĩ của mình.

Sau vòng đầu tiên, nhóm nghiên cứu đã thu thập được 22 ý kiến đề xuất là các thành tố của năng lực GDGT của chuyên gia như sau: Kiểm tra và đánh giá (16 lần xuất

hiện), Thiết kế khóa học (12), Tư vấn (14), Nhận thức (17), Tổ chức (11), Hỗ trợ (7), Kiến thức giới tính (7), Phối hợp (3), Kiến thức xã hội (2), Môi trường (2), Tuyên truyền kiến thức (2), Thân thiện (2), Nắm bắt hoàn cảnh (1), Lập kế hoạch (1), Cải thiện (1), Pháp luật (1), Tình huống (1), Truyền thông (1), Phát triển (1), Huy động nguồn lực (1), Thuyết trình (1), Tâm lý giáo dục (1).

• Bước 4: Phân tích định tính. Dữ liệu thu thập từ vòng trước được trích xuất, phân loại và nhóm lại dựa trên ý nghĩa và tần suất. Các ý tưởng giống nhau (ít nhất 50% số lần xuất hiện) đều được chúng tôi giữ lại. Mục tiêu của bước này là chúng tôi chọn lọc từ các ý kiến của các chuyên gia về các thành tố quan trọng nhất của năng lực GDGT của GV tiểu học và THCS. Sau đó, kết quả và các tiêu chuẩn được xếp hạng được gửi lại cho các chuyên gia để thống nhất. Các chuyên gia xác nhận một lần nữa và cho ý kiến đồng thuận về các thành tố chính của năng lực.

Kết quả bước này chúng tôi chỉ giữ lại những chỉ số có ít nhất 5 lần xuất hiện ở sự đề xuất của các ý kiến chuyên gia, gồm: 1/ Nhận thức các vấn đề giới tính và GDGT; 2/ Thiết kế kế hoạch GDGT; 3/ Tổ chức hoạt động GDGT; 4/ Kiểm tra đánh giá kết quả GDGT; 5/ Tư vấn, tham vấn các vấn đề về GDGT.

• Bước 5: Lấy ý kiến chuyên gia vòng 3. Sau khi có các thành tố của năng lực GDGT của GV từ bước 4, nhóm nghiên cứu xây dựng các biểu hiện cụ thể của các thành tố năng lực GDGT của GV.

Bảng câu hỏi lần này được xây dựng dựa trên phân tích định tính của cuộc khảo sát vòng trên. Chúng tôi xây dựng các thành tố của năng lực GDGT, mỗi thành tố được xây dựng từ 5-7 chỉ số. Cuộc khảo sát lần này, các chuyên gia cho ý kiến về các thành tố năng lực dựa trên việc lựa chọn mức độ thang Likert (từ “rất không đồng ý” đến “rất đồng ý”).

• Bước 6: Đánh giá sự đồng thuận. Chúng tôi gửi bảng tiêu chí các thành tố cơ bản của năng lực GDGT của GV cho 264 GV, chuyên gia, CBQL ở các vùng miền khác nhau bằng hình thức khảo sát trực tuyến, các chuyên gia/ GV tham gia khảo sát xếp hạng mức độ quan trọng của từng chỉ số thuộc các tiêu chuẩn tương ứng.

• Bước 7: Lặp lại cho đến khi đạt được sự đồng thuận. Ở bước này, những chỉ số nào nhận được sự đồng thuận cao được chúng tôi giữ lại, những chỉ số nào chưa nhận được sự đồng thuận, nhóm nghiên cứu tiếp tục sửa đổi, điều chỉnh quay lại bước 6 để xin ý kiến của chuyên gia/ GV. Chúng tôi sử dụng kỹ thuật phân tích phương sai (ANOVA) để xử lý số liệu từ kết quả nhận được.

• Bước 8: Xếp hạng và suy luận. Chúng tôi xếp hạng các chỉ số dựa trên thỏa thuận từ cao nhất đến thấp nhất. Khuyến nghị (Keeney và cộng sự, 2011) cho rằng thỏa thuận nên từ 51% đến 80%. Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ đồng thuận tối thiểu đối với bất kỳ mục nhất định nào được đặt ở mức 75% (Murry Jr & Hammons, 1995).

2.3. Khung năng lực giáo dục giới tính của giáo viên tiểu học và trung học cơ sở

Trong số 27 chỉ số được CBQL, GV, các chuyên gia đề xuất, chỉ có 16 chỉ số được giữ lại sau vòng 3 của cuộc khảo sát. Tất cả các chỉ số đều nằm trên thang điểm đồng ý của Likert (4). Độ lệch chuẩn nằm trong khoảng từ 0,84 đến 0,92, cho thấy mức chênh lệch hẹp xung quanh giá trị trung bình.

Bảng 2: Kết quả xử lý mẫu vòng 1

Các chỉ số	Giá trị TB	Độ lệch chuẩn
Nhận thức các vấn đề về giới tính	4,32	0,91
Nhận thức được các vấn đề về GDGT	4,55	0,86
Tìm hiểu nhu cầu của HS	4,12	0,92
Xác định mục tiêu, yêu cầu GDGT phù hợp	4,14	0,88
Xác định được nội dung GDGT phù hợp	4,17	0,87
Lập kế hoạch GDGT	4,34	0,86
Chuẩn bị các điều kiện, phương tiện GDGT	4,36	0,84
Tổ chức hoạt động GDGT theo kế hoạch đề ra	4,15	0,88
Hướng dẫn, tổ chức, giám sát các hoạt động cá nhân	4,18	0,85
Sử dụng được các tài liệu, phần mềm, học liệu	4,21	0,84
Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu giáo dục và đối tượng HS	4,08	0,91
Thiết kế và sử dụng công cụ kiểm tra đánh giá	4,12	0,89
Sử dụng kết quả học tập của HS để điều chỉnh, định hướng và khuyến khích HS	4,11	0,91
Kết nối và chia sẻ sự đồng cảm với những khó khăn và vướng mắc của HS	4,30	0,86
Thực hiện hỗ trợ, tư vấn giúp HS giải quyết những vướng mắc, khó khăn	4,30	0,89
Phối hợp với các lực lượng giáo dục khác, cha mẹ HS để hỗ trợ, giúp đỡ HS	4,24	0,87

Kết quả từ phần mềm thống kê cung cấp kết quả các chỉ số được các chuyên gia đồng ý cao với tỷ lệ điểm ICC (264) = 0,854, F (11, 557) = 17,8, p-value = 1,99e-30 và khoảng tin cậy 95% cho giá trị ICC nằm trong khoảng 0,731 đến 0,946.

Trên cơ sở chạy phân tích dữ liệu, chúng tôi đề xuất khung năng lực của GV tiểu học và THCS về GDGT với các tiêu chí đánh giá được chia thành các mức độ:

Mức 1. Năng lực ở mức độ **Chưa đạt yêu cầu**, cần được bồi dưỡng.

Mức 2. Năng lực ở mức độ **Đạt yêu cầu**, cần được bồi dưỡng, phát triển.

Mức 3. Năng lực ở mức độ **Khá** cần tiếp tục bồi dưỡng, duy trì và phát triển

Bảng 3: Khung năng lực và tiêu chí đánh giá năng lực GDGT của GVTH và THCS

Thành tố	Biểu hiện các mức độ		
	1	2	3
1. NL nhận thức các vấn đề về giới tính và GDGT			
1.1. Nhận thức được các phương diện	- Trình bày chưa đầy đủ về khái niệm, các mối quan	- Trình bày được các cơ sở khoa học về giới tính: khái niệm,	- Giải thích và vận dụng được các cơ sở khoa học về giới tính và kiến thức

Thành tố	Biểu hiện các mức độ		
	1	2	3
sinh học, tâm lý, xã hội... có liên quan đến giới tính	hệ (tính bạn, tình yêu, hôn nhân - gia đình); quyền trẻ em, các giá trị và văn hóa; an toàn trẻ em, các kỹ năng ứng phó; các bệnh về sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục...	các mối quan hệ (tính bạn, tình yêu, hôn nhân - gia đình); quyền trẻ em, các giá trị và văn hóa; an toàn trẻ em, các kỹ năng ứng phó; các bệnh về sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục... Sử dụng được các kiến thức liên môn đáp ứng mục tiêu GDGT	liên môn phù hợp vào các hoạt động giáo dục HS: các mối quan hệ (tính bạn, tình yêu, hôn nhân - gia đình); quyền trẻ em, các giá trị và văn hóa; an toàn trẻ em, các kỹ năng ứng phó; các bệnh về sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục... vào thực tiễn ở trường TH và THCS
1.2. Nhận thức được các vấn đề về GDGT	- Mô tả chưa đầy đủ và chính xác về lí luận và phương pháp GDGT: mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nhiệm vụ, nội dung, hình thức, phương pháp GDGT cho HS tiểu học và THCS	- Giải thích và sử dụng được cách thức tổ chức GDGT: mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nhiệm vụ, nội dung, hình thức, phương pháp GDGT cho HS tiểu học và THCS	- Vận dụng được lí luận và phương pháp GDGT vào thực tiễn phù hợp, hiệu quả và sáng tạo: mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nhiệm vụ, nội dung, hình thức, phương pháp GDGT cho HS tiểu học và THCS vào thực tiễn
2. NL thiết kế kế hoạch GDGT			
2.1. Nghiên cứu đặc điểm nhu cầu người học	- Chưa dự đoán được nhu cầu, hứng thú của HS - Chưa vận dụng kết quả nghiên cứu đặc điểm, nhu cầu người học	- Nhận diện được nhu cầu, hứng thú của HS - Sử dụng được kết quả nghiên cứu đặc điểm, nhu cầu người học vào thiết kế KHGD	- Phân tích và dự đoán được nhu cầu, hứng thú của HS - Đánh giá và sử dụng được kết quả nghiên cứu đặc điểm, nhu cầu người học vào tổ chức HĐGD
2.2. Xác định mục tiêu, yêu cầu GDGT phù hợp	- Chưa tích hợp được nội dung GDGT trong các môn học/hoạt động giáo dục không có chủ đích - Chưa xác định được mục tiêu GDGT có tính định lượng, cụ thể; chưa	- Lựa chọn nội dung tích hợp GDGT trong các môn học/ hoạt động giáo dục phù hợp với mục tiêu giáo dục chủ đề - Xác định được mục tiêu GDGT cho HS phù hợp yêu cầu cần đạt của chương trình,	- Nghiên cứu chương trình giáo dục của các môn học/hoạt động giáo dục. Lựa chọn nội dung tích hợp GDGT trong các môn học/ hoạt động giáo dục - Thiết kế được mục tiêu GDGT cho HS phù hợp yêu cầu cần đạt của chương trình, đặc điểm

Thành tố	Biểu hiện các mức độ		
	1	2	3
	đáp ứng được mục tiêu giáo dục rõ ràng, và gắn với nhu cầu HS	đặc điểm nhận thức của HS	nhận thức của HS và điều kiện địa phương. Mục tiêu có tính định lượng rõ ràng, thể hiện cụ thể sản phẩm cần đạt có thể đánh giá và kiểm đếm được
2.3. Lựa chọn nội dung GDGT	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa lựa chọn nội dung GDGT phù hợp với yêu cầu của chương trình hoặc đặc điểm nhận thức của HS - Chưa chuyển đổi được các nội dung học tập tới người học thành các hoạt động học - Cấu trúc nội dung chưa logic, lộn xộn 	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được nội dung GDGT phù hợp với yêu cầu của chương trình và đặc điểm nhận thức của HS - Chuyển các nội dung học tập trừu tượng thành các hoạt động học tập - Cấu trúc nội dung đã theo cấu trúc các hành động học, nhưng còn đơn điệu, chủ yếu tiếp nhận kiến thức 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá, lựa chọn nội dung GDGT phù hợp với yêu cầu của chương trình và đặc điểm nhận thức và thiết thực với HS - Chuyển các nội dung học tập trừu tượng thành các hành động học hoặc nhiệm vụ học tập phù hợp; logic, đáp ứng mục tiêu giáo dục - Dự kiến cấu trúc và tính chất hoạt động học phải thực hiện để kiến tạo, tìm tòi kiến thức mới
2.4. Lập KH GDGT	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa mô tả được mục tiêu cụ thể, rõ ràng - Mô tả chưa đầy đủ các hoạt động học của học theo các trục nội dung đã xây dựng - Chưa mô tả được các công cụ phục vụ hoạt động học để đáp ứng mục tiêu giáo dục; số lượng phương tiện giáo dục còn đơn điệu - Chưa dự kiến phương án giải quyết các tình huống nảy sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được mục tiêu giáo dục cụ thể phù hợp với HS và yêu cầu cần đạt của môn học/hoạt động giáo dục - Thiết kế được các hoạt động học của HS theo logic tìm tòi, khám phá - Mô tả được các công cụ phục vụ hoạt động học đạt được mục tiêu đề ra - Dự kiến được phương án giải quyết các tình huống nảy sinh - Mô tả được các 	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được mục tiêu giáo dục định lượng, có thể kiểm đếm được; có sự phù hợp giữa mục tiêu, nội dung, các hoạt động học của HS để tạo ra các sản phẩm có thể kiểm đếm và đánh giá được - Thiết kế được các hoạt động học của học theo các chiến lược dạy học khác nhau - Mô tả được các phương tiện, học liệu phù hợp với các hoạt động học của người học; đa dạng về chủng loại, tạo điều kiện cho người học tiếp cận nguồn học liệu mở

Thành tố	Biểu hiện các mức độ		
	1	2	3
	- Chưa có phương án kiểm tra đánh giá thường xuyên	công cụ kiểm tra đánh giá chủ yếu, phù hợp với mục tiêu giáo dục	- Dự kiến được nhiều phương án giải quyết các tình huống nảy sinh - Thiết kế được phương án và công cụ kiểm tra đánh giá đa dạng, phát huy tự điều chỉnh, tự đánh giá của HS, phù hợp mục tiêu giáo dục
2.5. Chuẩn bị các điều kiện, phương tiện GDGT	- Chưa lựa chọn được các điều kiện, phương tiện phù hợp với mục tiêu giáo dục - Học liệu, phương tiện giáo dục chưa phù hợp với các loại hình hoạt động; đơn điệu về chủng loại	- Lựa chọn được các điều kiện, phương tiện phù hợp với mục tiêu giáo dục - Học liệu và phương tiện đáp ứng được các hoạt động học của HS	- Lựa chọn được một cách sáng tạo, đa dạng về chủng loại các điều kiện, phương tiện, học liệu giáo dục - Cải tiến, đổi mới các phương tiện, học liệu phục vụ GDGT
3. NL Tổ chức hoạt động GD giới tính			
3.1. Tổ chức thực hiện được hoạt động giáo dục theo kế hoạch đề ra	- Chưa sử dụng được hình thức, phương pháp, phương tiện giáo dục đáp ứng yêu cầu cần đạt và phù hợp với đối tượng HS - Chưa đổi mới, cải tiến hình thức, phương pháp giáo dục nâng cao hiệu quả GDGT	- Sử dụng được hình thức, phương pháp, phương tiện giáo dục đáp ứng yêu cầu cần đạt và phù hợp với đối tượng HS. - Có ý thức đổi mới, cải tiến hình thức, phương pháp giáo dục nâng cao hiệu quả GDGT.	- Thiết kế, đánh giá được hình thức, phương pháp, phương tiện giáo dục đáp ứng yêu cầu cần đạt và phù hợp với đối tượng HS. - Đánh giá, đổi mới, cải tiến hình thức, phương pháp giáo dục nâng cao hiệu quả GDGT.
3.2. Hướng dẫn, điều hành được hoạt động cá nhân/nhóm hoàn thành mục tiêu giáo	- Chưa biết cách khuyến khích, động viên tích cực HS - Chưa hỗ trợ HS/nhóm HS hoàn thành các nhiệm vụ	- Giám sát, khuyến khích, động viên tích cực HS. - Hỗ trợ một số HS và nhóm HS hoàn thành các nhiệm vụ học tập;	- Động viên, định hướng, khuyến khích tích cực HS. - Định hướng, hỗ trợ HS/nhóm HS hoàn thành các nhiệm vụ học tập; - Nhạy cảm, hỗ trợ, giúp đỡ

Thành tố	Biểu hiện các mức độ		
	1	2	3
dục đề ra	học tập - Chưa hỗ trợ, giúp đỡ HS vượt qua những khó khăn, trở ngại	-Giúp đỡ một số HS vượt qua những khó khăn, trở ngại.	HS vượt qua những khó khăn, trở ngại.
3.3. Sử dụng được các phương tiện, học liệu hỗ trợ hoạt động giáo dục	- Chưa xác định được cơ sở lựa chọn và sử dụng linh hoạt các phương tiện, thiết bị, phần mềm hỗ trợ hoạt động giáo dục	-Biết sử dụng các phương tiện, thiết bị, phần mềm hỗ trợ hoạt động giáo dục đạt yêu cầu đề ra.	-Lựa chọn và sử dụng linh hoạt các phương tiện, thiết bị, phần mềm hỗ trợ hoạt động giáo dục hiệu quả
4. NL Kiểm tra, đánh giá hoạt động GDGT			
4.1. Lập được kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp mục tiêu giáo dục và đối tượng HS	- Chưa xác định được mục tiêu, nội dung kiểm tra đánh giá trong các chủ đề giáo dục - Chưa xây dựng được các phương án kiểm tra, đánh giá	-Xác định được mục tiêu, nội dung kiểm tra đánh giá trong các chủ đề giáo dục; -Xây dựng được các phương án kiểm tra, đánh giá	-Xác định được mục tiêu, nội dung kiểm tra đánh giá trong các chủ đề giáo dục phù hợp với đặc điểm HS và yêu cầu cần đạt. -Xây dựng được các phương án kiểm tra, đánh giá đáp ứng yêu cầu cần đạt và phù hợp đối tượng HS.
4.2. Thiết kế và sử dụng được các phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá hoạt động GDGT	- Chưa thiết kế được các công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu giáo dục - Chưa phối kết hợp hoặc chưa sử dụng các công cụ để kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động GDGT cho HS	-Thiết kế được các công cụ, phương pháp kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì phù hợp. -Sử dụng được các công cụ kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động GDGT cho HS.	-Thiết kế các phương pháp công cụ đa dạng, linh hoạt trong kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì. -Cải tiến, đổi mới các công cụ kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động GDGT đáp ứng mục tiêu đánh giá.
4.3. Sử dụng được kết quả học tập của HS trong điều chỉnh, định hướng và	- Chưa có các dữ liệu kết quả học tập của HS - Chưa cung cấp thông tin hữu ích cho phụ huynh và	-Mô tả các dữ liệu kết quả học tập của HS; -Sử dụng kết quả học tập HS nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho phụ huynh và	-Phân tích được các dữ liệu kết quả học tập của HS; - Sử dụng kết quả học tập HS nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho phụ huynh

Thành tố	Biểu hiện các mức độ		
	1	2	3
khuyến khích HS	HS - Chưa điều chỉnh nội dung giáo dục phù hợp với năng lực, nhận thức HS	HS. -Điều chỉnh nội dung giáo dục phù hợp với năng lực, nhận thức HS.	và HS. Định hướng, điều chỉnh chương trình phù hợp nhu cầu HS. - Cải tiến, cấu trúc lại nội dung giáo dục phù hợp với năng lực, nhận thức HS.
5. NL Tư vấn, hỗ trợ các vấn đề về giới tính cho HS			
5.1. Kết nối, chia sẻ đồng cảm với những khó khăn, vướng mắc HS	- Chưa nhận diện những vướng mắc, khó khăn của HS - Chưa kết nối, tạo lập thiện cảm, niềm tin với HS	-Nhận diện những vướng mắc, khó khăn của HS chưa đầy đủ. - Kết nối, chia sẻ tạo thiện cảm, niềm tin với HS.Lắng nghe, thấu hiểu những khó khăn, vướng mắc HS.	-Phát hiện, nhạy cảm những vướng mắc, khó khăn của HS. -Đồng cảm, thấu hiểu, đồng hành với HS.Lắng nghe, thấu hiểu những khó khăn, vướng mắc HS. Dự kiến cách thức ứng phó, phòng tránh rủi ro, đảm bảo an toàn cho HS.
5.2. Thực hiện hỗ trợ, tư vấn giúp đỡ HS tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn	- Chưa có kỹ năng tư vấn, hỗ trợ tâm lí cho HS bị tổn thương tinh thần/ thể chất - Chưa hỗ trợ HS xử lí, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn	- Biết tư vấn, hỗ trợ tâm lí cho HS bị tổn thương tinh thần/ thể chất; -Hỗ trợ HS xử lí, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn.	- Thể hiện được sự linh hoạt, sáng tạo trong hoạt động tư vấn, hỗ trợ tâm lí cho HS bị tổn thương tinh thần/ thể chất; - Phối hợp với các lực lượng giáo dục khác, bảo vệ các quyền cơ bản của trẻ em, hỗ trợ HS xử lí, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn.
5.3. Phối hợp cùng các lực lượng giáo dục khác, phụ huynh HS để hỗ trợ, giúp đỡ HS	- Chưa biết phối hợp/ không quan tâm đến phối hợp các lực lượng giáo dục: cha mẹ, người thân HS, chính quyền địa phương, các lực lượng khác vào cuộc, giúp đỡ, hỗ trợ những HS bị lạm dụng tình dục, bạo hành...	- Phối hợp được các lực lượng giáo dục: cha mẹ, người thân HS, chính quyền địa phương, các lực lượng khác vào cuộc, giúp đỡ, hỗ trợ những HS bị lạm dụng tình dục, bạo hành...	- Phối hợp và huy động, phát huy sức mạnh của các lực lượng giáo dục: cha mẹ, người thân HS, chính quyền địa phương, các lực lượng khác vào cuộc, giúp đỡ, hỗ trợ những HS bị lạm dụng tình dục, bạo hành...; dự phòng các rủi ro, các nguy cơ tiềm ẩn với HS

3. Kết luận

GV là người có ý nghĩa quyết định tính hiệu quả công tác GDGT cho HS ở trường tiểu học và THCS. Để thúc đẩy khả năng tự đào tạo, tự bồi dưỡng năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực tiễn, mỗi GV cần ý thức được họ cần tích lũy cái gì, ở mức độ nào. Vì vậy, việc xây dựng khung năng lực và tiêu chí đánh giá năng lực GDGT của GV tiểu học và THCS có ý nghĩa quan trọng, giúp cho mỗi GV và CBQL nhận thức được những yêu cầu cốt lõi để làm tốt công tác GDGT cho HS. Không thể phủ nhận tầm quan trọng của sức mạnh nội tại - sự phấn đấu, tự đào tạo, bồi dưỡng của mỗi GV để phát triển cá nhân. Các hoạt động của chính GV quyết định sự trưởng thành của chính họ.

Nghiên cứu bước đầu về xây dựng khung năng lực GDGT của GV tiểu học và THCS dựa trên phương pháp Delphi một phương pháp lấy ý kiến chuyên gia được ứng dụng rộng rãi, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục. Đề xuất của nhóm tác giả về khung và tiêu chí đánh giá năng lực GDGT dựa trên 264 câu trả lời đáng tin cậy từ 390 người tham gia khảo sát. Tuy nhiên, hạn chế của phương pháp Delphi là không thể xác định được tính đúng/ sai của các phương án đề xuất, các đề xuất của chúng tôi chỉ dựa trên sự đồng thuận của các chuyên gia, vì vậy, nghiên cứu vẫn cần được thực nghiệm trong thực tiễn về tính khả thi của nó.

Lời cảm ơn: Bài báo được tài trợ từ nguồn kinh phí đề tài cấp Bộ mã số B2020-TDV-06.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Gallard, C. (1991). Sex education in France. *Plan Parent Eur.*, Vol 20, pp. 11-12.
- Gilbert Tordjman (2002). *Giới tính theo cuộc đời*. NXB Phụ nữ.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016). *Tài liệu hướng dẫn lồng ghép giới vào chương trình, sách giáo khoa phổ thông*. Hà Nội.
- Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (2019). *Hướng dẫn kỹ thuật quốc tế về giáo dục giới tính và tình dục toàn diện*. Hà Nội.
- Bùi Ngọc Oánh (2008). *Tâm lý học giới tính và giáo dục giới tính*. NXB Giáo dục, tr. 41.

SUMMARY

DEVELOPING A COMPETENCY FRAMEWORK OF SEXUALITY EDUCATION FOR PRIMARY AND SECONDARY TEACHERS

Nguyen Thi Phuong Nhung, Pham Xuan Son

Vinh University

Received on 03/8/2021, accepted for publication on 24/9/2021

The effectiveness of sexuality education for primary and secondary school students is determined mainly by the capacity of teachers. The article publishes initial studies on the competency framework - a criterion for evaluating the competency of primary and secondary teachers in sexuality education, and the basis for teachers and administrators to be aware of the specific needs for sexuality education for students. Based on the Delphi method, which is commonly applied in education science, we have proposed a framework and criteria for assessing sexuality education capacity. The results published, based on consensus of experts, need to be experimentally studied to test their feasibility.

Keywords: Sexuality education; competency in sexuality education; competency framework; primary and secondary teachers.